

# GIẢNG DẠY MÔN GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA BẰNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC QUA DỰ ÁN: TRƯỜNG HỢP GIAO TIẾP LIÊN VĂN HÓA VIỆT - TRUNG

Nguyễn Đại Cồ Việt\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,  
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 02 tháng 06 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 09 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 09 năm 2017

**Tóm tắt:** Mỗi quan hệ mật thiết về văn hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc trong lịch sử và những nét tương đồng lớn về văn hóa giữa hai nước dễ gây ra những ngộ nhận về văn hóa hai nước cho người học, từ đó khiến cho việc giảng dạy môn Giao tiếp liên văn hóa ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc trở nên khó khăn. Trong bài viết này, chúng tôi thử đề xuất một cách tiếp cận đối với môn học Giao tiếp liên văn hóa cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc. Theo đó, ưu tiên nội dung xây dựng ý thức nhận thức và chấp nhận sự đa dạng văn hóa lên trước các mục tiêu khác, và áp dụng phương pháp “dạy học qua dự án” (project-based learning, PBL) vào giảng dạy. Thông qua phương pháp PBL, sinh viên vừa nắm được phương pháp tự khám phá tri thức, vừa thu hoạch được kiến thức từ thực tiễn, trải nghiệm quá trình sáng tạo tri thức. Kiến thức về Giao tiếp liên văn hóa Việt – Trung không chỉ do giáo viên truyền thụ, mà còn được kiến tạo từ trải nghiệm của bản thân sinh viên và các bạn khác trong lớp học.

*Từ khóa:* giao tiếp liên văn hóa, văn hóa Việt Nam, văn hóa Trung Quốc, phương pháp dạy học qua dự án (PBL)

## 1. Đặt vấn đề

Xin bắt đầu với những ví dụ sau (胡文仲, 1999: 132):

**Ví dụ 1:** Khi Trương Đào sang Mỹ, anh tá túc ở nhà một người bạn Mỹ, Bill. Một hôm, khi Trương trở về nhà, anh thấy Bill có vẻ không vui. Anh hỏi thì Bill nói, Adam- con trai Bill rất bực vì Trương gây ra nhiều tiếng ồn khi đi lên cầu thang, và vì Trương tắm quá lâu làm hết nước nóng khiến Adam phải tắm nước lạnh. Bill đề nghị Trương đi lại nhẹ nhàng hơn, và tắm nhanh hơn để tiết kiệm nước nóng. Trương Đào cảm thấy khó chịu. Làm sao chủ nhà có thể đặt ra quy định cho khách của họ chứ!

Trương Đào không ngờ đến tình huống này vì anh ta là khách, và theo văn hóa tiếp đãi khách của người Trung Quốc, chủ nhà sẽ dành cho khách mọi sự thoải mái, không hạn chế các thói quen của khách. Trong khi đó, người Mỹ có xu hướng cư xử với khách

theo cách tự nhiên, không khách khí, và thẳng thắn.

**Ví dụ 2:** Lâm vừa trải qua một chuyến bay dài 20 tiếng từ Bắc Kinh đến New York. Mike bạn anh, đón anh và đưa về nhà. Lâm chờ đợi một bữa tiệc tẩy trần ra trò, nhưng những gì Mike đưa ra mời khách chỉ là một đĩa gà rán và một cốc nước cam. Lâm hỏi Mike xem có chút com nào không. Mike nói chỉ có mì khô thôi, và nếu muốn ăn Lâm sẽ phải tự nấu. Mặc dù Lâm biết người Mỹ không để ý đến chuyện ăn uống, anh vẫn cảm thấy sốc, vì trước đó khi Mike đến Bắc Kinh, anh đã mời Mike đến nhà hàng Toàn Tự Đức (một nhà hàng nổi tiếng và đắt đỏ) thưởng thức món vịt quay Bắc Kinh trứ danh.

Người Trung Quốc, khi tiếp đãi bạn bè từ xa tới, thường thể hiện lòng hiếu khách bằng cách đưa bạn đến những nhà hàng sang trọng và đắt đỏ để thết đãi. Càng nhiều món được bày lên bàn, càng thể hiện sự trọng vọng dành cho khách. Trong khi đó, người Mỹ lại không như vậy, thông thường, họ để cho khách quyền

\* ĐT.: 84-977008438

Email: nguyen.daicoviet@gmail.com

tự chọn món muốn ăn, và một bữa ăn cũng đơn giản với một món chính và chút nước hoa quả, sự giản dị mà người Trung Quốc có thể đánh đồng với sự không nhiệt tình.

Đây là hai trong số rất nhiều ví dụ có thể thấy trong những giáo trình về giao tiếp liên văn hóa do người Trung Quốc biên soạn bằng tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Anh. Chúng tôi dẫn lại hai ví dụ này để chỉ ra những sự thực sau:

- *Thứ nhất*, các giáo trình về giao tiếp liên văn hóa do Trung Quốc biên soạn hầu hết là so sánh sự khác biệt về văn hóa trong giao tiếp giữa Trung Quốc và các nước phương Tây, điển hình là Mỹ. Sự khác biệt văn hóa Đông - Tây là rất rõ nét và dễ khiến người ta chú ý.

- *Thứ hai*, giả sử trong các ví dụ trên, chúng ta thay thế “người Trung Quốc” bằng “người Việt Nam” thì vẫn phù hợp.

- *Thứ ba*, giao tiếp liên văn hóa thể hiện rất cụ thể, tỉ mỉ ở những phương cách ứng xử trong cuộc sống.

Ba sự thực trên phản ánh những vấn đề thực tế mà chúng tôi đã phải đối diện trong quá trình giảng dạy môn *Giao tiếp liên văn hóa* ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Đó là:

- Giáo trình *Giao tiếp liên văn hóa* do người Trung Quốc biên soạn có nội dung thiên về các đặc trưng văn hóa Trung Quốc trong so sánh với văn hóa phương Tây. Nội dung như vậy không thực sự phù hợp với đối tượng học là người Việt, bởi Việt Nam và Trung Quốc cùng chia sẻ văn hóa phương Đông, cụ thể là văn hóa Nho giáo<sup>1</sup>, nên có những đặc điểm đại đồng tiêu di. Điều này đặt ra nhu cầu cần phải xây dựng cho được một cuốn giáo trình *Giao tiếp liên văn hóa Việt – Trung* cho người Việt. Cuốn giáo trình này hiện nay đang được chúng tôi (Bộ môn Ngôn ngữ học tiếng Trung Quốc, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung

Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ) xây dựng.

- Bên cạnh việc chưa có giáo trình phù hợp, bản thân việc giảng dạy môn *Giao tiếp liên văn hóa* cũng đặt ra nhiều thách thức, ví dụ như làm thế nào cân đối giữa lí thuyết và thực tiễn. Như ví dụ đã dẫn trên đây, giao tiếp liên văn hóa thể hiện trong những tình huống giao tiếp rất cụ thể. Khi giảng dạy, nếu giảng viên giới thiệu nhiều tình huống cụ thể thì lại thiếu đi sự khái quát lí thuyết. Còn nếu giảng nhiều về lí thuyết (ví dụ: văn hóa là gì, sức văn hóa là gì, v.v...) thì sinh viên khó hình dung được từ lí thuyết đến thực tiễn là như thế nào. Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ đã xây dựng môn học trong nhiều năm, đến nay có thể nói đã xử lí khá tốt sự cân đối giữa lí thuyết và thực tế ở môn học này. Nhưng đây vẫn sẽ là vấn đề mà những đơn vị chuẩn bị xây dựng môn học này có thể sẽ phải đối mặt.

Rút kinh nghiệm từ thực tiễn giảng dạy môn học, chúng tôi thử đề xuất một cách tiếp cận với môn học, cụ thể là: (1) ưu tiên nội dung xây dựng ý thức nhận thức và chấp nhận sự đa dạng văn hóa lên trước các mục tiêu khác và (2) áp dụng phương pháp “dạy học qua dự án” (project-based learning, PBL) trong môn học này. Chúng tôi đã thử nghiệm giảng dạy cho hai khóa sinh viên của một trường đại học ở Hà Nội.

Bài viết đưa ra quan điểm của chúng tôi về cách thức tiếp cận và giảng dạy với môn học *Giao tiếp liên văn hóa*: trường hợp giao tiếp liên văn hóa Việt - Trung, và tổng kết một vài kết quả thu được trong thực tiễn giảng dạy.

## 2. Một vài khái niệm cơ bản

Ở phần này, chúng tôi xin tóm lược một số vấn đề lí thuyết của môn học *Giao tiếp liên văn hóa*, là những nội dung cốt lõi mà chúng tôi muốn truyền đạt trong môn học.

### 2.1. Văn hóa

Có nhiều định nghĩa khác nhau về “văn hóa”, nhưng ở đây chúng tôi không đi sâu vào phương diện lí thuyết của việc định nghĩa thế nào là văn hóa. (Về khái niệm văn hóa, xin xem Nguyễn

<sup>1</sup> Việt Nam và Trung Quốc là những quốc gia đa dân tộc, đa nguyên văn hóa, song thông thường, người ta lấy văn hóa của khối dân tộc chính (ở Việt Nam là người Kinh, ở Trung Quốc là người Hán) để đại diện cho văn hóa quốc gia.

Quang, 2008: 69-85) Điểm mấu chốt cần phân biệt là “văn hóa” trong môn học này không phải là “thượng văn hóa” (high culture) như âm nhạc, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, v.v... Chúng tôi đề cập đến những kiến thức văn hóa mà mỗi cá nhân phải biết để tồn tại trong một xã hội nhất định. Nói cách khác: làm thế nào để cư xử một cách đúng mực và tuân theo các chuẩn mực xã hội.

### 2.1.1. Tính địa phương của văn hóa

Tính địa phương của văn hóa là sự khác biệt văn hóa chia theo vùng miền địa lí. Tính địa phương của văn hóa có nhiều cấp độ, thấp là từ làng này sang làng kia, vùng này sang vùng nọ, cao hơn là nước này sang nước khác, và cao nhất là khác biệt về đặc điểm văn hóa của các nước phương Đông và các nước phương Tây, thường được gọi là sự khác biệt văn hóa Đông – Tây.

Nội dung chính của môn học *Giao tiếp liên văn hóa* là thảo luận sự khác biệt về tính địa phương này, song hầu hết các giáo trình *Giao tiếp liên văn hóa* lại bỏ qua các thang độ khác nhau của “tính địa phương” mà chủ yếu tập trung so sánh giữa nước này và nước kia. Trong khi trên thực tế, giao tiếp liên văn hóa có thể xảy ra ngay trong một quốc gia, giữa vùng này và vùng khác.

Văn hóa là một phạm trù vừa trừu tượng, vừa cụ thể. Với những quốc gia đa dân tộc, đa nguyên văn hóa như Việt Nam, Trung Quốc hay Mỹ, thì một câu hỏi kiểu như “đặc trưng văn hóa Việt Nam/Trung Quốc/Mỹ là gì?” là câu hỏi không thể trả lời một cách đơn giản, thậm chí không thể có một câu trả lời chung.

Trong các phân tích về các trường hợp giao tiếp liên văn hóa (như hai ví dụ đã dẫn ở đầu bài viết), chúng ta dễ dàng bắt gặp những cách diễn đạt như người Trung Quốc thì thế này, người Mỹ thì thế kia. Nhưng: người Mỹ là người Mỹ nào? Mỹ da màu, gốc Tàu, gốc Việt, gốc Mễ, gốc Phi? Mỹ trắng, thì gốc Đức, gốc Ý hay gốc Ireland, v.v..?<sup>(2)</sup> Không ai nói một cách chính xác, cả người viết (các tình huống đưa ra làm

ví dụ hầu hết là do tác giả sáng tạo lại, dựa trên kinh nghiệm và kiến thức về đối chiếu văn hóa) và người đọc đều mặc định tồn tại một thứ văn hóa chung đại diện cho cả Trung Quốc, một thứ văn hóa chung cho cả nước Mỹ.

Điều đó xét kỹ ra là không đúng. Cộng đồng người Mỹ gốc Hoa cũng đón Tết âm lịch như Việt Nam, như Trung Quốc. Vậy nếu nói thế này: “người Mỹ cũng đón Tết âm lịch như ta”, hoặc “người Mỹ không đón Tết âm lịch” thì có đúng hay không? Cả hai nhận định trên đều phiến diện, vì khái niệm “người Mỹ” ở đây quá mơ hồ.

Cũng như thế, ở Trung Quốc, từ Bắc chí Nam, từ Đông sang Tây, văn hóa có nhiều nét dị biệt. Đơn cử về văn hóa ẩm thực, Trung Quốc có tới 8 dòng ẩm thực khác nhau (八大菜系), vậy dòng nào sẽ đứng ra đại diện cho cái gọi là “văn hóa ẩm thực Trung Hoa” đây? Giả sử ta muốn so sánh “ẩm thực Việt Nam” với “ẩm thực Trung Hoa” thì rất cuộc, ta phải lấy ẩm thực miền nào của Việt Nam để so sánh với ẩm thực dòng nào của Trung Quốc?

Giao tiếp liên văn hóa không chỉ là giao tiếp giữa văn hóa các nước (A), mà có thể là giao tiếp giữa văn hóa các miền khác nhau trong cùng một nước (B). Về bản chất thì A và B giống nhau, nhưng về mức độ thì sự khác biệt văn hóa của B nhỏ hơn A.

### 2.1.2. Tính biểu tượng của văn hóa

*Kungfu Panda* là một bộ phim hoạt hình được sản xuất tại Hollywood, do người Mỹ làm, các nhân vật trong phim là các con thú. Bộ phim đó được phát hành trên toàn thế giới, và ở bất kỳ đâu, người xem đều nhận ra *Kungfu Panda* được lấy bối cảnh ở Trung Quốc. Tại sao mọi người ở khắp nơi đều chia sẻ một ấn tượng chung như vậy? Bởi vì trong phim có hàng loạt các yếu tố đời sống mang tính biểu tượng văn hóa của Trung Quốc, ví dụ gấu trúc (panda), kungfu (võ thuật), món mì sợi, pháo hoa, phong cách kiến trúc, v.v...

Chính các yếu tố mang tính biểu tượng này hình thành nên một “ấn tượng chung” về

<sup>2</sup> Ở đây là sự khác biệt văn hóa quy định bởi chủng tộc, song đằng sau chủng tộc là nguồn gốc địa lý của họ. Vì thế, chúng tôi vẫn xếp vào tính địa phương của văn hóa.

Trung Quốc, là cơ sở để tạo ra những nét đối lập lớn, cho phép người viết sách có thể tạo ra những ví dụ kiểu “người Trung Quốc thế này, người Mỹ thế kia”, mà vẫn nhận được sự hưởng ứng từ độc giả.

Chẳng hạn, nếu hỏi ấn tượng của những người Việt đã từng đi du học ở Trung Quốc về đồ ăn thì câu trả lời thường thấy là đồ ăn Trung Quốc quá nhiều dầu mỡ. Những ai chú trọng đến tính địa phương của văn hóa sẽ thấy “đồ ăn Trung Quốc” là cách diễn đạt có tính mơ hồ, nhưng chúng ta chấp nhận câu trả lời “đồ ăn Trung Quốc quá nhiều dầu mỡ”, bởi lẽ “nhiều dầu mỡ” đã trở thành một thứ “biểu tượng” của ẩm thực Trung Quốc. Ví dụ khác, không phải vùng nào ở Trung Quốc cũng coi bánh bao/màn thầu là thực phẩm chính, nhưng “bánh bao” đã trở thành một biểu tượng văn hóa của ẩm thực Trung Quốc, được đưa vào phim *Kungfu Panda* như một dấu hiệu nhận diện địa lí.

Yếu tố mang tính biểu tượng trong văn hóa được hình thành như thế nào? Hoặc đó là một yếu tố độc nhất vô nhị (Vạn Lí Trường Thành của Trung Quốc, tháp Eiffel của Pháp, tượng Thần Tự do của Mỹ), hoặc là một đặc trưng văn hóa mang tính phổ quát được thừa nhận rộng rãi. Chúng ta có thể bắt gặp nhiều ví dụ nói về văn hóa giao tiếp “lòng vòng”, tránh đi thẳng vào vấn đề của người Trung Quốc. Cách thức giao tiếp đó được ghi nhận nhiều lần qua nhiều cá nhân, đã hình thành nên một ấn tượng chung về lối tư duy của người Trung Quốc nói chung. Nó dẫn đến những nhận xét khái quát như: người phương Tây ưa nói thẳng vào vấn đề, còn người Trung Quốc thì thích diễn đạt lòng vòng. (xem, Robert B. Kaplan, 1966: 15)

Những ấn tượng chung như thế không phải khi nào cũng chính xác. Ở Việt Nam có câu: “*ăn bản sống lâu, người Tàu bảo thế*”, điều này chắc chắn là không đúng, bất cứ người Trung Quốc nào cũng sẵn sàng phản đối. Song rất có thể ấn tượng “bản” đó là do hình ảnh bếp ăn ám đen khói dầu mỡ ở các gia đình/quán ăn

Trung Quốc. Dù ấn tượng đó hình thành theo cách nào thì ở Việt Nam, nó cũng thành một thứ biểu tượng gắn với “người Tàu”.

Bên trên, chúng tôi đề cập đến tính địa phương của văn hóa để nhận thức được rằng không phải yếu tố văn hóa nào cũng đại diện cho toàn quốc, mà có thể chỉ là đặc sắc của một địa phương. Chúng tôi cũng đề cập đến tính biểu tượng của văn hóa để thấy rằng ngược lại với tính địa phương, có những yếu tố văn hóa được coi như đặc điểm chung cho cả một quốc gia.

### 2.1.3. *Đảo băng văn hóa (cultural iceberg)*

Levine và Adelman (1993) (dẫn theo Do&Dao, 2006: 7) hình dung văn hóa trong đời sống hàng ngày như một đảo băng, gồm hai phần: phần chìm dưới nước và phần nổi trên mặt nước. Phần nổi là cái quan sát được, ví dụ như ẩm thực, ngôn ngữ hay hình thức bề ngoài (trang phục, trang điểm...). Phần chìm bao gồm tín ngưỡng, các quan niệm về giá trị, phong tục, truyền thống, quan điểm, cách thức giao tiếp (bao gồm tư duy), kiêng kỵ, v.v.. là những yếu tố tuy không tri giác được bằng giác quan, nhưng lại là phần hạt nhân quyết định các chuẩn mực giao tiếp xã hội.

## 2.2. *Giao tiếp liên văn hóa*

Thuật ngữ “giao tiếp liên văn hóa” có hai cách hiểu, một là chỉ hoạt động giao tiếp giữa những người có nền tảng văn hóa khác nhau, hai là chỉ ngành khoa học nghiên cứu về giao tiếp liên văn hóa. Để tiện phân biệt, trong bài này chúng tôi gọi ngành khoa học về giao tiếp liên văn hóa là “giao tiếp liên văn hóa học”.

### 2.2.1. *Giao tiếp liên văn hóa*

*Định nghĩa:* Giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication) là sự giao tiếp giữa những người có **nền tảng văn hóa** khác nhau.

Nền tảng văn hóa được quy định bởi nhiều yếu tố, theo Porter và Samovar (dẫn theo 胡文仲, 1999: 20) thì nó bao gồm quốc tịch, chủng tộc, ngôn ngữ, nơi cư trú, tín ngưỡng tôn giáo, quan điểm chính trị, xu thế tính dục (đồng tính/

dị tính), lí tưởng, v.v.. Ở nghĩa hẹp nhất, thậm chí bất kỳ giao tiếp nào giữa hai con người cũng là giao tiếp liên văn hóa, bởi không khi nào có hai người hoàn toàn giống nhau. Nhưng nếu so sánh sự giao tiếp của (a) hai người khác ngành nghề và (b) hai người khác quốc gia thì mức độ khác biệt văn hóa của (a) thấp hơn so với (b). Đã có học giả tìm cách lập thang mức độ về sự khác biệt văn hóa, mà đỉnh thang (khác biệt nhiều nhất) là sự khác biệt văn hóa Đông Tây.

Một tên gọi khác của giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication) là giao thoa văn hóa (cross-culture communication). Một số học giả phân biệt hai thuật ngữ này, cho rằng giao tiếp liên văn hóa nhấn mạnh vào quá trình giao tiếp, còn giao thoa văn hóa thì thiên về so sánh sự giống và khác của hai văn hóa. Tuy nhiên, sự phân biệt này không thể hiện rõ nét trong các nghiên cứu gần đây.

### 2.2.2. *Giao tiếp liên văn hóa học*

**Định nghĩa:** Là ngành học nghiên cứu về giao tiếp liên văn hóa.

Ngành học này bắt đầu nổi lên ở Mỹ vào thập niên 60 của thế kỷ trước (bắt đầu từ sự ra đời của cuốn sách *The Silent Language* (1959) của nhà nhân học Edward Hall), phát triển bùng nổ vào thập niên 70 và lan ra các nước khác. Nhật Bản bắt đầu nghiên cứu về *Giao tiếp liên văn hóa* vào đầu thập niên 1970, Trung Quốc bắt đầu từ thập niên 1980. (胡文仲, 1999: 9)

### 3. Giảng dạy môn *Giao tiếp liên văn hóa*: từ mục đích đến phương pháp

Trong bài viết này, chúng tôi đề xuất điều chỉnh lại mục đích giảng dạy, nội dung giảng dạy và đề xuất áp dụng phương pháp “dạy học theo dự án” (project-based learning, PBL).

**3.1. Mục đích giảng dạy:** Chúng tôi chủ trương điều chỉnh từ “trang bị kiến thức” sang “trang bị ý thức” về giao tiếp liên văn hóa. Kiến thức có thể hình thành từ thực tiễn, cái cần xây dựng là người học có ý thức về sự tồn tại phổ biến của giao tiếp liên văn hóa, chủ động cảm nhận và sẵn sàng mở lòng tiếp nhận và thấu hiểu những khác biệt văn hóa trong giao tiếp. Từ đó hình thành ý thức tôn trọng văn hóa địa phương, tránh sự kỳ thị hay miệt thị văn hóa.

**3.2. Nội dung giảng dạy:** Chúng tôi hướng đến việc nghiên cứu và giảng dạy môn *Giao tiếp liên văn hóa* ở cái nghĩa khởi phát của nó, tức là nghiên cứu sự khác biệt văn hóa và ảnh hưởng của nó tới giao tiếp, cụ thể là giao tiếp giữa người Việt và người Trung Quốc.

**3.3. Phương pháp giảng dạy:** Chuyển từ phương pháp sinh viên thuyết trình sang phương pháp dạy qua dự án (project-based learning, PBL).

Cả hai phương pháp, đều yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị nội dung và thuyết trình trước lớp, song hai phương pháp này có sự khác biệt cơ bản như sau:

Phương pháp sinh viên thuyết trình	Phương pháp PBL
Mục đích: trang bị kiến thức + kỹ năng thuyết trình.	<i>Mục đích: trang bị phương pháp nghiên cứu + kỹ năng nghiên cứu + kỹ năng thuyết trình.</i>
Sinh viên chủ động tìm kiếm tài liệu, tổng hợp kiến thức đã có trong tài liệu.	<i>Sinh viên thông qua quá trình thực hiện dự án nghiên cứu sáng tạo ra kiến thức.</i>
Sinh viên thuyết trình, chia sẻ kiến thức mình tổng hợp lại được.	<i>Sinh viên thuyết trình, chia sẻ thành quả nghiên cứu của nhóm.</i>
Giáo viên nhận xét, khai sâu thêm các kiến thức sinh viên thuyết trình.	<i>Giáo viên phân biện về phương pháp và kết quả nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của dự án.</i>
Khó khăn: Vẫn phải dựa vào tài liệu đã có, kiến thức hiện hành, nếu thiếu tài liệu, sinh viên sẽ khó hoàn thành nhiệm vụ. Nếu hiểu lí thuyết chưa đúng, nội dung thuyết trình có thể không đúng trọng tâm môn học hoặc kiến thức không chính xác.	<i>Khó khăn: Sinh viên phải nắm rõ phương pháp nghiên cứu. Sinh viên phải tổ chức được nghiên cứu, đây là khâu then chốt quyết định sự thành bại của dự án. Sinh viên phải có khả năng đánh giá được tư liệu thu thập được.</i>

Dạy học qua dự án là phương pháp giảng dạy cho phép giáo viên và sinh viên cùng nhau kiến tạo tri thức. Người giáo viên trong phương pháp giảng dạy này đóng vai trò là người định hướng, hướng dẫn sinh viên làm những dự án nghiên cứu nhỏ. Sinh viên là người thực hiện các dự án nghiên cứu đó, và kết quả là những tri thức thu thập được trong quá trình thực hiện dự án.

Phương pháp thuyết trình truyền thống không hạn chế sinh viên thực hiện các điều tra để phục vụ cho nội dung thuyết trình, trong thực tế các sinh viên cũng đã làm như vậy. Tuy nhiên, do việc nghiên cứu không phải là nội dung bắt buộc, nên sinh viên thực hiện tự phát, có thể tuân thủ không chặt chẽ các chuẩn mực trong thu thập dữ liệu. Với phương pháp dạy học qua dự án, việc nghiên cứu của sinh viên là được thực hiện có ý thức, được giới thiệu về phương pháp nghiên cứu, và có sự kiểm soát trong quá trình lấy dữ liệu.

Chúng tôi cho rằng kết quả nghiên cứu của sinh viên là “đúng” hay “sai” chưa phải là điều quan trọng nhất. Ưu điểm lớn nhất của phương pháp này là thúc đẩy sinh viên tìm tòi và sáng tạo kiến thức, thu hoạch kiến thức một cách chủ động. Sinh viên có thể dựa vào kết quả điều tra của mình, tiếp tục hoàn thiện và hình thành bài viết nghiên cứu khoa học của sinh viên.

#### **4. Thực tiễn triển khai việc giảng dạy môn *Giao tiếp liên văn hóa bằng phương pháp PBL***

Chúng tôi đã vận dụng phương pháp này để giảng dạy cho hai khóa sinh viên tại một trường đại học ở Hà Nội, và nhận được phản hồi tích cực của sinh viên.

Nội dung giảng dạy của môn học được chia thành ba phần chính: *Phần một*, lý thuyết về giao tiếp liên văn hóa. Phần này tập trung xây dựng ý thức về giao tiếp liên văn hóa ở sinh viên, các phương diện của giao tiếp liên văn hóa và phân tích ví dụ về giao tiếp liên văn hóa Việt - Trung. *Phần hai*, phương pháp

nghiên cứu. Phần này hướng dẫn sinh viên cách thức triển khai đề tài nghiên cứu, đưa ra các quy định cụ thể về hình thức và nội dung của bài nghiên cứu. *Phần ba*, phần quan trọng nhất, sinh viên chia sẻ kết quả nghiên cứu, giáo viên đánh giá kết quả nghiên cứu của sinh viên.

Dưới đây là quan điểm của chúng tôi về mục tiêu môn học, yêu cầu về dự án với sinh viên, và các tiêu chí đánh giá dự án.

##### *4.1. Mục tiêu môn học*

Để phù hợp với việc áp dụng phương pháp dạy học qua dự án, chúng tôi điều chỉnh mục tiêu của môn học như sau: Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản liên quan đến giao tiếp liên văn hóa. Sinh viên hình thành nhận thức về sự tồn tại tất yếu của giao tiếp liên văn hóa, và các mức độ khác nhau của xung đột văn hóa, từ đó xây dựng thái độ khoan dung với sự khác biệt văn hóa. Sinh viên nắm được các yêu cầu và phương pháp cơ bản để thực hiện một dự án nghiên cứu nhỏ, biết cách tổ chức và triển khai dự án nghiên cứu, rèn luyện khả năng thuyết trình dự án.

Trong mục tiêu của môn học, chúng tôi không đặt nặng vấn đề sinh viên phải nắm được những kiến thức nào về giao tiếp liên văn hóa Việt - Trung, bởi những kiến thức đó sẽ do sinh viên tìm ra và chia sẻ với nhau, với thầy cô giáo. Chúng tôi tập trung vào việc hình thành ý thức về giao tiếp liên văn hóa cho sinh viên, giảm bớt sự tiêu cực của thói cực đoan văn hóa.

##### *4.2. Dự án nghiên cứu*

Tên đề tài: 中越跨文化交际实例分析 (Giao tiếp liên văn hóa Việt - Trung: ví dụ thực tiễn và phân tích)

Sinh viên chia thành các nhóm, đều thực hiện đề tài trên, với các đối tượng khảo sát khác nhau. Phương pháp nghiên cứu là phương pháp phỏng vấn sâu. Nội dung phỏng vấn là sự khác biệt văn hóa ảnh hưởng như thế nào đến lối sống và giao tiếp của đối tượng phỏng vấn.

Các yêu cầu:

### 1. Chọn mẫu

(1) Người Trung Quốc đã đến/ sinh sống tại Việt Nam; hoặc

(2) Người Việt đã có trải nghiệm sống tại Trung Quốc.

Ưu tiên (1) để rèn luyện khả năng giao tiếp ngoại ngữ.

Lưu ý: Người Trung Quốc là chỉ người Hán (Đại lục, Hồng Kông, Đài Loan, Hoa kiều), không bao gồm người dân tộc thiểu số ở Trung Quốc (Choang, Hồi, Mãn, Tạng...). Mẫu được chọn phải có trải nghiệm ở cả hai nền văn hóa, có khả năng phát hiện sự khác biệt văn hóa trong lối sống.

### 2. Các nhóm vấn đề nghiên cứu

- Văn hóa ẩm thực (món ăn, vị trí ngồi ăn, giao tiếp trên bàn ăn...)

- Văn hóa trong ngôn ngữ (diễn đạt sự kính trọng, lễ phép, diễn đạt sự thân mật, hành vi cầu khiến, hành vi từ chối, hành vi phàn nàn, chê trách, cách diễn đạt nào sẽ bị coi là thô lỗ...)

- Văn hóa trong hình thức bề ngoài (ví dụ: thói quen ăn mặc, trang điểm, y phục truyền thống...)

- Văn hóa tín ngưỡng (ví dụ: tục thờ cúng tổ tiên, ma chay, giỗ kỵ, táo mộ, thờ thần tài...)

- Văn hóa về giá trị (ví dụ: quan niệm tốt xấu của các con số, về màu sắc, giá trị đạo đức, quan niệm về bình đẳng giới...)

- Văn hóa giao tiếp, lối sống (tặng quà, mời khách, đến chơi nhà...)

- Văn hóa kiêng kỵ: những tục kiêng kỵ ở Trung Quốc.

- Phong tục - truyền thống (ví dụ, so sánh sự khác biệt về lễ hội).

Những nhóm vấn đề trên chỉ mang tính gợi ý, sinh viên được khuyến khích tự đề xuất vấn đề.

### 3. Quá trình điều tra và thu thập dữ liệu

#### a. Về đối tượng phỏng vấn

Khai thác thông tin nhân khẩu học về đối tượng phỏng vấn (tên, tuổi, quê quán...), bối cảnh ngôn ngữ (biết bao nhiêu thứ tiếng, có biết tiếng Việt không?), quá trình sống, thời gian trải nghiệm ở Việt Nam, quan hệ bạn bè /hôn nhân với người Việt (có người yêu/vợ/chồng là người Việt không?)

b. Về hoàn cảnh phỏng vấn: Thời gian nào? ở đâu? thông qua phương tiện gì? Ảnh chụp quá trình phỏng vấn hoặc nội dung phỏng vấn nếu thông qua các ứng dụng trò chuyện như Wechat, QQ, Zalo...

#### c. Nội dung phỏng vấn

Là nội dung trong phạm vi gợi ý hoặc do sinh viên đề xuất, trong quá trình phỏng vấn bám sát nội dung người phỏng vấn cung cấp để đào sâu thông tin, từ vấn đề này liên tưởng sang vấn đề khác.

#### 4. Quá trình xử lý dữ liệu

Văn bản hóa dữ liệu phỏng vấn thu được.

Chọn một hoặc một vài vấn đề đã phỏng vấn được để đi sâu phân tích, tìm hiểu lịch sử hình thành nên tập tục, thói quen đó, so sánh sự tương đồng và dị biệt với văn hóa Việt Nam (cụ thể là nền tảng văn hóa của người điều tra), phân tích yếu tố giao tiếp liên văn hóa trong kết quả điều tra, chỉ ra điều kiện nào thì gây cản trở giao tiếp, gây hiểu nhầm do xung đột văn hóa.

#### 4.3. Một vài ví dụ về kết quả khảo sát của sinh viên

Do đây là lần đầu tiên sinh viên tham gia vào phương pháp PBL nên quá trình triển khai vẫn còn nhiều lúng túng. Kết quả thu được là những ví dụ về sự khác biệt văn hóa có ảnh hưởng đến giao tiếp, các ví dụ còn lẻ tẻ, chưa thể vẽ nên một bức tranh tổng thể, song đó là những tư liệu thô rất đáng quý cho giáo viên. Đến khi nào những tư liệu thô này đủ dày, giáo viên có thể khái quát lại thành những nhóm ví dụ tuy khác biệt về thể hiện nhưng lại có chung một nguyên nhân văn hóa.

Chúng tôi xin giới thiệu một vài ví dụ về kết quả khảo sát do sinh viên thực hiện. Xin lưu ý, yếu tố văn hóa Trung Quốc ở đây được hiểu là đặc điểm văn hóa của người được phỏng vấn, có thể là đặc điểm chung của toàn Trung Quốc, hoặc có thể là đặc điểm riêng của văn hóa địa phương – nơi xuất thân của người được phỏng vấn.

#### a. Văn hóa ẩm thực

Việt Nam: nước chấm rất quan trọng, vì người Việt ăn đồ luộc nhiều, nem rán cũng phải chấm mới ngon. Nước chấm làm từ nước mắm.

Trung Quốc: nước chấm đơn giản, không dùng chanh. Món ăn đã ngấm đủ vị. Nước

chấm là xì dầu (đậu tương). Người Quảng Tây cho nhiều tỏi và ớt vào xì dầu.

Việt Nam: món ăn thanh đạm, ít mỡ, ít muối, ví dụ như rau luộc, gà luộc.

Trung Quốc: nhiều mỡ, nhiều thịt, mặn.

Việt Nam: ăn cơm.

Trung Quốc: người phương Bắc ăn bột mỳ. Khi ở Việt Nam thường phải tự nấu lấy.

#### b. Hình thức bề ngoài

Trung Quốc: không đi dép lê ra ngoài đường trong bất kỳ tình huống nào (đặc biệt là người miền Bắc), không cởi trần ở nơi công cộng, dù là đi tập thể dục.

Việt Nam: coi việc đi dép lê ở ngoài đường là bình thường, thậm chí đến công sở lại đổi từ giày sang dép lê. Có thể cởi trần nơi công cộng, nếu là đi tập thể dục.

Việt Nam: đi xăng đan thì không đi tất.

Trung Quốc: đi xăng đan vẫn đi tất.

#### c. Văn hóa tín ngưỡng

Trung Quốc: Không thờ cúng tổ tiên trong nhà. Một năm chỉ giỗ kỵ một lần, là ngày tảo mộ (tiết Thanh Minh). Thanh Minh làm rất to. Đó là ngày nghỉ quốc gia.

Việt Nam: Trong nhà có ban thờ gia tiên. Giỗ kỵ vào ngày măt của gia tiên. Tảo mộ làm vào ngày cuối năm, trước Tết. Thanh Minh cũng có làm, nhưng không phải lễ trọng.

Trung Quốc: Không thắp hương hàng ngày.

Việt Nam: Ngày nào cũng thắp hương. (Ghi chú: quan sát này của người Trung Quốc là do thấy ở các hàng quán ngày nào cũng thắp hương ông Thần Tài).

#### d. Văn hóa về giá trị

Trung Quốc: Các số tốt là “6, 8, 9”, tổ chức cưới xin vào các ngày có hài âm nghĩa tốt, ví dụ ngày 16 (*yao liu*, nghĩa là “mong thuận lợi”), 18 (*yao ba*, hài âm *yao fa*, nghĩa là “mong phát đạt”).

Việt Nam: Việt Nam tiếp nhận quan niệm số đẹp của Trung Quốc, nhưng có cải biến. Ví dụ: kiêng 78 (thất bát), kiêng 49 (có hạn ách) mặc dù có đuôi 8 và 9.

Trung Quốc: Không bao giờ đội mũ xanh lá. Thị trường chứng khoán: màu đỏ là đi lên, màu xanh là đi xuống.

Việt Nam: Đội mũ màu xanh lá bình thường. Thị trường chứng khoán: Đỏ là xuống, xanh là lên.

#### e. Văn hóa lối sống

Việt Nam: Ngồi ăn uống ngoài đường rất phổ biến. Bàn ghế thấp. Ăn ở nhà ngồi chiếu.

Trung Quốc: Quán bán ven đường không có chỗ ngồi, khách lấy đồ ăn rồi đi luôn. Quán có bàn ghế thì bàn ghế cao. Ăn ngồi bàn. (Bổ sung: đứng hoặc ngồi xôm, nếu ở nông thôn). Người Trung Quốc khi sang Việt Nam thường cảm thấy khó khăn nếu phải ngồi ăn trên chiếu.

Việt Nam: Đến nhà thăm, nếu gia chủ không đi dép trong nhà, thì bỏ giày dép bên ngoài. Một số cửa hàng cũng yêu cầu khách bỏ giày dép bên ngoài.

Trung Quốc: Hiếm khi bỏ giày, tất. Nơi công cộng (như cửa hàng) thì không bao giờ.

Việt Nam: Không hài lòng nếu khách hàng chỉ xem mà không mua.

Trung Quốc: Chiều khách, thái độ nhã nhặn ngay cả khi mới mở cửa hàng mà khách chỉ xem không mua.

#### f. Kiêng kỵ

Trung Quốc: Không tặng đồng hồ treo tường, nhưng có thể tặng đồng hồ đeo tay. Không viết tên người khác bằng mực đỏ. Một số vùng ở Trung Quốc, ngày Tết kiêng sát sinh, ăn đồ ăn đã chuẩn bị sẵn trước đó.

Việt Nam: Đồng hồ nào tặng cũng tốt. Không kiêng viết tên mực đỏ. Ngày Tết sát sinh (giết gà làm cỗ) bình thường.

### 5. Kết luận

Giảng dạy *Giao tiếp liên văn hóa* ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc không hề đơn giản bởi hai lẽ: Thứ nhất, mối liên hệ gần gũi về mặt văn hóa giữa Trung Quốc và Việt Nam khiến cho sự khác biệt văn hóa giữa hai nước không rõ ràng sắc nét như khác biệt văn hóa Đông - Tây. Thứ hai là còn chưa có một cuốn giáo trình phù hợp.

Hướng tới mục tiêu giảng dạy hiệu quả môn học *Giao tiếp liên văn hóa*, chúng tôi mạnh dạn đề xuất hai điểm: (a) có cách tiếp



cận mới với môn học; và (b) áp dụng phương pháp dạy học qua dự án (PBL) cho môn học. Trong cách tiếp cận mới này, chúng tôi không đặt nặng việc truyền thụ kiến thức lí thuyết mà tập trung bồi dưỡng cho sinh viên có ý thức về giao tiếp liên văn hóa, trang bị các kỹ năng khám phá nội dung giao tiếp liên văn hóa. Việc giao cho sinh viên thực hiện các dự án nghiên cứu nhỏ sẽ vẫn giúp sinh viên học hỏi được những kiến thức cụ thể về giao tiếp liên văn hóa Việt - Trung, mà học hỏi với tư thế chủ động.

Mặc dù phương pháp PBL và phương pháp sinh viên thuyết trình đều thuộc loại hình giảng dạy thông qua nhiệm vụ, nhưng giữa chúng có sự khác biệt căn bản. Phương pháp sinh viên thuyết trình hướng tới tổng hợp các kiến thức đã có, còn với phương pháp dạy học qua dự án, dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể, thu thập dữ liệu từ cuộc sống, và thầy trò cùng kiến tạo tri thức.

## Tài liệu tham khảo

### Tiếng Việt

Nguyễn Quang (2008). Văn hóa, giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, *Ngoại ngữ 24* (2008): 69-85

Trịnh Đức Thái (2016). Giao tiếp liên văn hóa trong hợp tác quốc tế. Kì yếu Hội thảo quốc gia *Nghiên cứu liên ngành về ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ lần II*, Đại học Huế.

Hoàng Văn Vân (dịch) (2002). *Ngôn ngữ học qua các nền văn hoá*. Hà Nội: NXB ĐHQGHN.

### Tiếng Anh

Do Mai Thanh and Dao Thu Trang (2006) *Introduction to cross cultural communication*. Giáo trình dùng nội bộ.

Kaplan, Robert B. (1966). Cultural thought patterns in intercultural education. *Language Learning 16* (1): 1-20

### Tiếng Trung

胡文仲 (1999). 《跨文化交际学概论》. 外语教学与研究出版社

Nguyễn Hoàng Anh (2015). 《跨文化交际》课程与越南汉语教学中跨文化交际能力培养. Kì yếu Hội thảo quốc gia *Giảng dạy và nghiên cứu tiếng Trung Quốc tại Việt Nam: thực trạng và hướng phát triển*. Hà Nội: NXB ĐHQGHN.

---

# TEACHING INTER-CULTURAL COMMUNICATION THROUGH PROJECT-BASED LEARNING: THE CASE OF VIETNAMESE-CHINESE INTER-CULTURAL COMMUNICATION

Nguyen Dai Co Viet

*Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The close relationship between Vietnamese and Chinese culture in history and the great similarities in the two cultures easily confuse learners of the Chinese language. Thus, the teaching of Inter-cultural Communication is fairly difficult. This paper discusses a new approach to the teaching of Inter-cultural Communication to the 3<sup>rd</sup>-year students in the Faculty of Chinese Language and Culture. Firstly, change begins from the objectives of the course in order to raise students' awareness of cultural diversity and tolerance of cultural differences. Secondly, project-based learning (PBL) method is adopted in the teaching process. Thanks to this method, students not only become more active in learning but also gain practical experiences and most importantly, overcome their shortcomings. Acquisition of knowledge in Inter-cultural Communication class is fabricated by both teachers and students.

**Keywords:** inter-cultural communication, Chinese culture, Vietnamese culture, project-based learning (PBL)